

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC
TRẺ MẪU GIÁO 3- 4 TUỔI
NĂM HỌC: 2025- 2026**

(Kèm theo kế hoạch số: 150/KH-MN ngày 12 tháng 9 năm 2025)

I.Khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
Tuần từ 5/9 đến 13/9 khai giảng, ổn định tổ chức, rèn nề nếp cho trẻ			
Bé đến trường mầm non và vui tết trung thu (4T)	Trường mầm non Diễn Kỷ thân yêu	1	15/09- 19/09/2025
	Lớp học của bé	1	22/09- 26/09/2025
	Bé vui tết trung thu	1	29/09 - 03/10/2025
	Đồ dùng, đồ chơi của Bé	1	06/10 - 10/10/2025
Bé và Cơ thể bé (4T)	Mừng ngày PNVN 20/10, ngày hội của bà, của mẹ.....	1	13/10 - 17/10/2025
	Bé giới thiệu về mình	1	20/10 - 24/10/2025
	Những bộ phận trên Cơ thể bé	1	27/10 – 31/10/2025
	Bé cần gì để lớn lên khỏe mạnh	1	03/11 - 07/11/2025
Gia đình thân yêu của bé và ngày hội cô giáo (4T)	Những người thân trong gia đình	1	10/11 - 14/11/2025
	Ngày hội của Cô giáo	1	17/11 - 21/11/2025
	Đồ dùng gia đình bé	1	24/11 - 28/11/2025
	Nhu cầu của gia đình bé	1	01/12 - 05/12/2025
Những nghề bé yêu và ngày lễ 22/12 (4 T)	Bé yêu bác nông dân	1	08/12 - 12/12/2025
	Bé yêu chú bộ đội	1	15/12 - 19/12/2025
	Bé yêu cô chú công nhân xây dựng	1	22/12 - 26/12/2025
	Bố Mẹ bé làm nghề gì?	1	29/12 – 02/01/2026
Thế giới động vật (4 T)	Những con vật sống trong gia đình	1	05/01 – 09/01/2026
	Những con vật sống dưới nước	1	12/01 – 16/01/2026
	Động vật sống trong rừng	1	19/01-23/01/2026
	Côn trùng và chim	1	26/01-30/01/2026
Thế giới thực vật - Ngày tết và mùa xuân,	Bé vui đón Tết nguyên đán	1	02/02 - 06/02/2026
	Mùa xuân và những bông hoa đẹp	1	09/02 - 13/02/2026

Ngày 8/3 (6T)	Nghỉ tết nguyên đán từ 14/2- 22/02/2026		
	Một số loại quả	1	23/02 - 27/02/2026
	Ngày Hội 8/3	1	02/03 – 06/03/2026
	Một số loại rau	1	09/03 – 13/03/2026
	Cây cần gì để phát triển	1	16/03 – 20/03/2026
Phương tiện- quy định giao thông (3T)	Phương tiện, QĐGT đường bộ, đường sắt	1	23/03 – 27/03/2026
	Phương tiện, QĐGT đường không	1	30/03 – 03/04/2026
	Phương tiện, QĐGT đường thủy.	1	06/04 - 10/04/2026
Nước và các hiện tượng thiên nhiên (3T)	Nước - Không khí	1	13/04 - 17/04/2026
	Các hiện tượng tự nhiên	1	20/04 - 24/04/2026
	Thời tiết bốn mùa	1	27/04 – 01/05/2026
Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em (3T)	Em yêu quê em.	1	04/05 – 08/05/2026
	Việt Nam đất nước của em	1	11/05 – 15/05/2026
	Bác Hồ Kính yêu	1	18/05 – 22/05/2026
Cộng	9 chủ đề	35 tuần thực học	

II. KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1. Mục tiêu:

1.1 Tổ chức bữa ăn

-100% trẻ ăn bán trú tại trường, không để trẻ xảy ra thương tích hay ngộ độc thực phẩm.

- Tổ chức các bữa ăn cho trẻ đảm bảo theo quy định, đủ năng lượng của trẻ trong ngày, cung cấp dinh dưỡng giúp trẻ phát triển cân đối, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng. Đảm bảo khẩu phần ăn cho trẻ đạt tỉ lệ Kcal từ 615- 726 Kcal trẻ/ ngày.

- Thực hiện ký hợp đồng với nhà cung cấp thực phẩm. Đảm bảo 100% nguồn thực phẩm tươi ngon rõ nguồn gốc đảm bảo chất lượng, hợp vệ sinh.

- Thực hiện tốt 3 bước, lưu đủ mẫu thức ăn hằng ngày theo quy định.

- Giáo viên cung cấp cho trẻ biết được một số món ăn, thực phẩm; trẻ kể được một số dạng chế biến thông thường và lợi ích của các loại thực phẩm.

- Giáo viên rèn cho trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống, dạy trẻ làm một số việc tự phục vụ trong tổ chức bữa ăn; trẻ biết phân loại các đồ dùng ăn uống.

1.2 Tổ chức giấc ngủ

- Giúp trẻ có giấc ngủ tốt với khoảng thời gian 150 phút, đảm bảo sức khỏe, giúp trẻ phát triển toàn diện

- Trẻ có thói quen chuẩn bị cho giấc ngủ tốt và sau khi ngủ dậy

1.3 Tổ chức vệ sinh

- Giáo viên giúp trẻ có thói quen vệ sinh vệ sinh, có một số hành vi tốt trong vệ sinh, biết giữ gìn cơ thể khỏe mạnh.
- Trẻ biết thực hiện vệ sinh hằng ngày và khi thấy bẩn; trẻ thực hiện các thao tác VS có kỹ năng tốt.

1.4 Chăm sóc sức khỏe

- Trẻ biết giữ gìn sức khỏe và sự an toàn. Trẻ có một số kiến thức về phòng bệnh thông thường.

2. Chuẩn bị:

- Tổ chức bữa ăn: Giáo viên phải chuẩn bị đầy đủ đồ dùng cho bữa ăn
- Tổ chức giấc ngủ: Giáo viên phải chuẩn bị tâm thế cho trẻ, các đồ dùng phục vụ tốt cho giờ ngủ
- Tổ chức vệ sinh: Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh, nước sạch nước sát khuẩn...
- Chăm sóc sức khỏe: Giáo viên thường xuyên theo dõi sức khỏe trẻ.

3. Nội Dung

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%-20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng;	CBQL, Giáo viên, , nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	- Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kĩ năng tự phục vụ của trẻ, cân đối mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. b. Chăm sóc bữa ăn <i>* Trước khi ăn:</i> - Tổ chức cho trẻ vệ sinh rửa tay lau mặt sạch sẽ. - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,...Cô khuyến khích động viên trẻ cùng kê bàn, trang trí bàn ăn cùng với cô. - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; <i>* Trong khi ăn:</i> - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kĩ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở.		
--	---	--	--

	Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghé vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). <i>* Trước lúc cho trẻ ngủ:</i> - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối (phù hợp với tầng độ tuổi); - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). <i>* Trong khi ngủ</i> - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác <i>* Sau khi thức dậy</i> - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều.	- Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên nấu ăn	

	- Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.		
3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm b. Vệ sinh cá nhân trẻ - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, Giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp	Giáo viên và bảo vệ	

	<i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ (trẻ mẫu giáo). <i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui		
--	--	--	--

	định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ó màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	a. Chăm sóc sức khỏe <i>* Khám sức khỏe</i> - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe <i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i> - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng, chiều cao 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2023 và tháng 3/2024); - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp: - Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường.	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Phụ huynh	

	c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đg hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị mệt phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương. - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
5. Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng	- Trẻ được quan tâm hơn về nhiều mặt, được chăm sóc riêng khi ăn, ngủ - Thường xuyên trao đổi với phụ huynh về sức khỏe của trẻ	- CBQL - Giáo viên phụ trách nhóm lớp - Nhân viên y tế - Phụ huynh	

III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất		
1. Phát triển vận động		
a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1	- Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn. - Thực hiện được các động tác khởi động của Erobic.	- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp. (TDS) - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tập động tác tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang, ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Co duỗi chân + Các bài tập đồng diễn cho hội thi PTVĐ.
b. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động		
MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiềng gót liên tục 3m.	- Đi. + Đi kiềng gót liên tục 3m + Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. + Đi trong đường đích dắc.
MT3	2.2. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi theo đường đích dắc. - Đi trên (trong) đường hẹp. - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc.

MT4	2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). - Tự đập - bắt bóng 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)	- Các trò chơi vận động - Tung - ném - bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô + Ném xa bằng 1 tay + Ném trúng đích bằng 1 tay + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc
MT5	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài. - Thực hiện được các động tác tổng hợp trong bài Erobic	- Chạy theo hướng thẳng - Ném xa bằng 2 tay + Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay + Ném trúng đích (xa 1,5m) Chạy theo hướng thẳng 15m - Bò - trườn - trèo: + Bò theo hướng thẳng. + Bò theo đường đích dắc. + Bò chui qua cổng. + Bò trong đường hẹp (3mx0,4m) + Trườn theo hướng thẳng. + Trườn theo đường đích dắc. + Trườn về phía trước. + Trườn chui qua cổng + Bước lên, xuống bậc cao 30cm. * Bài tập tổng hợp: - Chạy theo hướng thẳng - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Bò trong đường hẹp - Hội thi " Bé yêu vận động" - Ngày hội Erobic
MT6	Thực hiện được các vận động <i>Bật- nhảy</i> + <i>Bật tại chỗ.</i> + <i>Bật tiến về phía trước.</i> + <i>Bật xa 20- 25 cm</i>	- Bật - nhảy + Bật tại chỗ. + Bật tiến về phía trước. + Bật xa 20- 25 cm
c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt		
MT7	3.1. Thực hiện được các vận động:	Tập các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt và sử dụng một số đồ dùng dụng

	- Xoay tròn cổ tay. - Gập, đang ngón tay vào nhau.	- cụ. + Luyện tay: Vỗ tay, vỗ tay; co duỗi ngón tay; đan các ngón tay vào nhau; xoa hai lòng bàn tay vào nhau... + Các trò chơi dân gian với tay: Đôi chim, Oẳn tù tì, Làm bóng hình tay. + Tập giở sách. + Đóng, mở nắp chai, lọ, hộp. + Chơi với cát, nước và đất nặn. + Cuộn dây, luồn dây qua lỗ, tết dây 2 sợi. + Vò giấy, gập giấy theo đường vạch sẵn, gập đôi, gập chéo, gập lộn. + Xé giấy: xé vụn, xé theo hình kim châm, xé theo hình vẽ sẵn... + Vẽ tự do bằng bàn tay, ngón tay, phấn, bút to. + Tập sử dụng kéo. + Ăn uống: Cầm thìa, bát, cốc, tự xúc ăn và nhặt cơm vãi. + Vệ sinh cá nhân: rửa tay, lau tay, lau mặt, rót nước, múc nước... + Đóng mở cửa ra vào. + Chăm sóc cây trồng, vật nuôi: tưới cây, nhặt lá...
MT8	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	* Kỹ năng sống: Biết mặc quần áo: Tự cởi, mặc, cài, buộc dây, kéo phéc-mơ- tuya, đi tất - Xếp chồng các hình khối khác nhau - Xé, dán giấy - Sử dụng kéo, bút - Tô, vẽ nguệch ngoạc - Cài, cởi cúc. - VTV7 kids. Những người bạn cầu vòng, cách xếp đồ dùng đồ chơi + Chồng tháp, ghép hình, xếp hình khoảng 6 khối.
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
a. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		

MT9	1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Trò chuyện về một số thực phẩm quen thuộc trong các bữa ăn hàng ngày của trẻ, ích lợi của việc ăn các món ăn hàng ngày và luyện tập sức khỏe - Vẽ, dán các món ăn, tô màu các món ăn, nặn: bánh mì, quả chuối - Lập bảng phân biệt các nhóm thực phẩm chất đạm, vitamin và khoáng chất, xem tranh ảnh, trò chuyện về các món ăn, làm sách về các món ăn - Xem tranh ảnh và gọi tên các món ăn - TC: Ai nói nhanh, bé gọi tên đúng, bé thích ăn gì? xây dựng thực đơn cho bé, Người nội trợ giỏi, Chuyển thực phẩm về kho; Bé cần ăn những gì? - Nhận biết một số món ăn quen thuộc hằng ngày ở nhà và ở trường; - Trò chuyện về một số thực phẩm quen thuộc trong các bữa ăn hàng ngày của trẻ, ích lợi của việc ăn các món ăn hàng ngày và luyện tập sức khỏe
MT10	1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết một số món ăn quen thuộc hằng ngày ở nhà và ở trường;
MT11	1.3. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Các món ăn đặc trưng trong ngày Tết cổ truyền. - Những món ăn bé thích - Bữa ăn của gia đình bé - Bé ăn gì cho răng khỏe? - Bé ăn gì cho mắt sáng? - Chọn thức ăn có lợi cho sức khỏe. - Trẻ biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) + VTV7 kids: chiếc bụng đói.
b. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
MT12	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:	+ Kỹ năng sống: Bé tự mặc, cởi, quần áo, tất; Bé gấp quần áo

	- Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo...	- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. * Thực hành kỹ năng cuộc sống: + Rửa tay bằng xà phòng + Súc miệng nước muối + Lau miệng + Lấy nước, uống nước. - TC: Thi xem ai nhanh (cởi tháo tất, quần áo), Bé cần đồ dùng gì? - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Tháo tất, cởi quần áo. Cởi, cài cúc.... + Thực hành VSCN.
MT13	2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Thực hành tổ chức giờ ăn, + Sử dụng bát thìa đúng cách
c. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
MT14	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	* Kỹ năng sống: - Bé uống đủ nước và đúng cách - Ăn vừa đủ và vệ sinh vào ngày tết... - Phòng chống hóc xương cá - Bé nói không với bimbim - Nói không với đồ uống có ga - Đồ chiên rán không tốt cho sức khỏe - Uống nước đã đun sôi, rót vừa lượng nước để uống, tự uống nước khi khát. - Không nói chuyện, cười đùa trong khi đang ăn. - Hướng dẫn trẻ tự lấy đồ ăn mình thích và biết chờ đến lượt trong các bữa tiệc Buffet và tiệc Sinh nhật. - Trò chuyện, rèn các thói quen hành vi văn minh tốt trong ăn uống: khi ăn không nói chuyện, uống nước sau khi ăn, nhặt cơm rơi vãi vào đĩa - Ăn miếng vừa đủ, không nhai nhồm nhoàm. - Không làm rơi thức ăn vung vãi.
MT15	3.2. Có một số hành vi tốt	* Kỹ năng sống:

	trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	+ Hướng dẫn trẻ súc miệng nước muối + Đi dép, đội mũ, khẩu trang + Chăm sóc cơ thể (rửa tay/ lau mặt) + Bảo vệ vùng kín + Kỹ năng chải tóc + Kỹ năng mặc áo mưa/ đội ô. + Chọn trang phục phù hợp mùa + Phòng bệnh mùa lạnh/ nóng - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. gìn vệ sinh - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.
d. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
MT16	4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Trò chuyện, kể chuyện, xem clip, tranh ảnh, về các tình huống gây nguy hiểm trong hoạt hàng ngày. - Cho trẻ xem tranh ảnh, clip những đồ vật, những nơi không an toàn trong trường và trong gia đình, khi đi chơi trên đường và trong công viên. * GD Kỹ năng sống: - Những khu vực nguy hiểm trong trường - Phòng cháy nổ - Phòng tránh điện giật - Tiết kiệm điện/nước - Phòng cháy nổ - Tránh xa các đồ vật nguy hiểm - Phòng cháy nổ - Phòng tránh điện giật - TC: Nên/ không nên; Bé đi đường nào?; Con

		đường an toàn; Những nơi bé nên tránh. - Gạch tranh, ai nhanh nhất, ai tinh mắt để tìm ra hành động đúng, sai, an toàn và không an toàn - Bài tập giấy: Nên và không nên, an toàn và nguy hiểm, Làm bài tập trong Trò chơi học tập, Tìm hình ảnh đúng.
MT17	4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Biết một số khẩn cấp và gọi người giúp đỡ *GD Kỹ năng sống: Phòng chống đuối nước
MT18	4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	* Kỹ năng sống: - Ăn cơm đúng cách (Cầm thìa tay phải, cầm bát tay trái, xúc cơm gọn gàng, khi ăn nhai mím miệng, không ngậm) - Kỹ năng ăn hoa quả đúng cách. - Phòng tránh hóc, sặc - Những nguy hiểm cần tránh ở lớp - Khi người lạ đến nhà - Phòng tránh bị lạc - Không nhận quà, đi theo người lạ - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.
e. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi		
MT19	1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. Bé trai: - Cân nặng đạt 12.9 - 20.8 kg. - Chiều cao đạt: 94.4 - 111.5 cm.	- Ăn hết khẩu phần ăn trong ngày, thích nghi với các loại thức ăn khác nhau, uống đủ lượng sữa và nước trong ngày. - Tập thể dục sáng, các hoạt động thể dục trong ngày và tăng cường vận động - Tổ chức khám sức khỏe cho trẻ 2lần/năm, cân đo 3lần/năm. Kết quả cân nặng, chiều cao

	<i>Bé gái:</i> - Cân nặng đạt 12.6 - 20.7 kg. - Chiều cao đạt: 93.5-109.6 cm.	bình thường so với độ tuổi.
II. Giáo dục phát triển nhận thức		
1. Khám phá khoa học		
a. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
MT20	1.1. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Xem tranh, ảnh, băng hình về sự vật hiện tượng xung quanh trẻ. - Quan sát, trò chuyện, đặt câu hỏi, hỏi ai? cái gì? Làm gì/như thế nào?...về các sự vật hiện tượng. - Sự nảy mầm của hạt đậu. - Vì sao lại có mưa? - Khi nào cầu vồng xuất hiện.
MT21	1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. - Nhận biết, phân biệt được sự khác nhau về chất liệu khi thực hiện hoạt động Steam	- Đồ dùng trong gia đình bé; Bé biết gì về ô tô và xe máy; Bé tìm hiểu mùa hè, cầu vồng và các màu sắc; Bé và các bạn bảo vệ môi trường; Đồ dùng, đồ chơi; Phân loại đồ chơi: Tên gọi, màu sắc; Đồ chơi bạn trai, bạn gái; Đồ dùng trong các phòng; Phân loại đồ dùng: Tên gọi, hình dạng, màu sắc; Phân loại hoa: hình dạng cánh, màu sắc; Phân loại quả: màu sắc, vị; Phân loại cây; Phân loại con vật: Tên gọi, đặc điểm, tiếng kêu, nơi sống. * KNS: Kỹ năng đi xe đạp 3 bánh; kỹ năng khi ngồi trên xe máy, ô tô an toàn; Kỹ năng đội mũ bảo hiểm an toàn; Kỹ năng qua đường an toàn; Không chơi lòng, lẻ đường. - bé nhặt rau; vắt nước cam; làm sinh tố.. - Khám phá các chất liệu khác nhau trong hoạt động Steam - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. + Sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm...để biết về đặc điểm của con người, con vật, đồ vật 1 số loại quả, hoa, phương tiện, hiện tượng... + Sờ, nắn, đồ vật, đồ chơi, để biết cứng, mềm, nhẵn, sần sùi,...

MT22	1.3. Làm thử nghiệm đơn giản, thí nghiệm Steam với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	* Tổ chức các HĐ thử nghiệm đơn giản: - Vật chìm; Vật nổi; Nước cần cho hoa.; Tan và không tan.; Sự tan chảy của đá.; Sự kỳ diệu của màu sắc; Hoa đổi màu; Hạt đỗ nảy mầm (trên đất, trên bông ằm)... - Thử nghiệm gieo hạt. - Thí nghiệm thổi bong bóng, vì sao chong chóng quay. - Thí nghiệm Steam với cát, sỏi, đá, nước..... +Steam: Quả bóng biết nhảy, bong bóng ma thuật, Đài phun nước mini, con mực trong chai nước, bình nước mini tự động..
MT23	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Xem sách, tranh, hình ảnh, vật thật và tìm hiểu về con vật, đồ vật, đồ chơi, rau, hoa, quả, con người, các phương tiện giao thông.... theo các chủ đề. -Quan sát, trò chuyện, khám phá Một số PTG; Một số loại quả; Một số loại hoa; một số con vật nuôi trong gia đình; Một số con vật sống dưới nước; Một số con vật sống trong gia đình; Đồ dùng, đồ chơi;.... * Steam: Ô tô động cơ; Tàu hỏa; Đèn giao thông mi ni; Quạt mi ni.....
MT24	1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	Quan sát, so sánh, mô tả những dấu hiệu nổi bật của các đối tượng: - Đồ dùng, đồ chơi - Thực vật - Đồ dùng gia đình - Động vật - Phân nhóm 2 đối tượng theo dấu hiệu nổi bật.
b. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
MT25	2. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Tác động của sự vật hiện tượng đối với đời sống con người như: con vật, cây cối, không khí, nước, nắng mưa..... - Mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây cối quen thuộc và môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần

		gửi. * KNS: - Bảo vệ nguồn nước; Kỹ năng chăm sóc và bảo vệ vật nuôi; Những nguy hiểm từ vật nuôi và cách phòng tránh; Phòng chống chó cắn, bệnh dại; Bé đi sở thú an toàn; Tránh bị muỗi/kiến cắn...
c. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
MT26	3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số PTGT quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày, - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.... - Một số ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày . - Một vài đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi.... * Steam: Núi lửa phun trào; Sức mạnh lan tỏa; Kẹo sắc màu cầu vồng; Lốc xoáy mi ni
MT27	3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện những gì trẻ biết thông qua các hoạt động: chơi, âm nhạc, tạo hình... VT7 kids; Xứ sở cầu vồng.
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
a. Nhận biết số đếm, số lượng		
MT28	1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. + Chơi đếm trên các ngón tay - Đếm và nhận biết số lượng trong phạm vi 5: + Thuộc số đếm + Bé đứng thứ mấy. + Đếm chân con vật + Những ngón tay xinh; Gia đình ngón tay;

		Bàn tay kỳ diệu
MT29	1.2. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. -Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. + Đếm đến 2 + Đếm đến 3 + Đếm đến 4 + Đếm đến 5 + Biết sử dụng các từ tiếng Anh trong số đếm: 1 One · 2 Two · 3 Three · 4 Four · 5 Five VTV7 Kids: 1,2,3 ta cùng đếm
MT30	1.3. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- 1 và nhiều. - So sánh 2 đối tượng có số lượng bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn trong phạm vi 5. VTV7 Kids: Những người bạn cầu vòng
MT31	1.4. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Gộp 2 nhóm đối tượng (mỗi nhóm có số lượng ít hơn hoặc bằng 2) và đếm. - Gộp 2 nhóm đối tượng (mỗi nhóm có số lượng là 2) và đếm. - Gộp 2 nhóm đối tượng (một nhóm có 2 đối tượng, một nhóm có 3 đối tượng) và đếm. - Gộp 2 nhóm để tạo thành một nhóm mới.
MT32	1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. - Tách một nhóm có 2 đối tượng thành 2 nhóm và đếm. - Tách một nhóm có 3 đối tượng thành 2 nhóm và đếm. - Tách một nhóm có 4 đối tượng thành 2 nhóm và đếm. - Tách một nhóm có 5 đối tượng thành 2 nhóm và đếm.
b. Sắp xếp theo qui tắc		
MT33	2. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi.

c. So sánh hai đối tượng		
MT34	3. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước - Xếp xen kẽ + So sánh sự khác biệt về chiều cao của 2 đối tượng. + So sánh sự khác biệt về độ lớn của 2 đối tượng + So sánh sự khác biệt về chiều dài của 2 đối tượng. + So sánh sự khác biệt về chiều rộng của 2 đối tượng.
d. Nhận biết hình dạng		
MT35	4. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Dạy trẻ nhận biết gọi tên hình vuông, hình tròn - Steam: Hình học 4D - Dạy trẻ nhận biết gọi tên hình tam giác – hình chữ nhật - Ôn nhận biết 4 hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. - TCHT: Chọn hình theo mẫu; Tìm hình khác loại; Nối đúng hình; Ghép hình; Tạo hình theo mẫu; Tìm hình tương ứng; Săn tìm hình; Hình nào biến mất; Hình dạng thần kỳ; Sờ và đoán hình; Nhảy vào hình - VTV7 Kids: Bạn là hình gì
e. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT36	5. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân. - Dạy trẻ nhận biết tay phải - Tay trái, phía phải - Phía trái, phía trên - Phía dưới, phía trước - Phía sau của bản thân trẻ. - TCHT: + Bạn gấu ở đâu?; Tìm đồ chơi; Nghe tiếng hát tìm đồ vật; Bé tập xếp hàng; Đồ vật đang ở

		đâu; - Sử dụng các từ chỉ phương hướng trong khi tập thể dục, đi chơi, đi dạo.
3. Khám phá xã hội		
a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT37	-Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - Giới thiệu tên bản thân bằng tiếng Anh	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Kỹ năng giới thiệu bản thân - Bé là ai? - Sở thích của bé? - Sử dụng được các từ tiếng Anh để giới thiệu tên, tuổi như: My name Is the...tên Tôi là...
MT38	- Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. Biết sử dụng các từ tiếng anh chỉ thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. - Biết và sử dụng các từ tiếng anh chỉ thành viên trong gia đình theo khả năng: Father -bố; Mother (Mom/Mum) – Mẹ, Brother -Anh/Em trai; Sister - Chị/Em gái; Grandmother -bà, Grandfather - ông..... * KNS: + Bố mẹ kính yêu của bé + Ông bà kính yêu của bé + Công việc của bố mẹ + Biết ơn bố mẹ + Bé quan tâm đến bố mẹ + Anh chị em của bé +Gia đình gần gũi; Đóng vai các thành viên trong gia đình; Gia đình mến thương; Xem tranh ảnh về gia đình bé, tô màu bức tranh gia đình, làm album các ngày kỷ niệm của gia đình, đếm và so sánh số lượng các thành viên trong gia đình.
MT39	-Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình. * KNS:+ Địa chỉ nhà của bé/ địa chỉ trường của bé + Khám phá nhà của bé. +Gia đình thân yêu của bé. + Số điện thoại của bố/ mẹ. + Tìm đúng số nhà

MT40	1.4. Nói được tên trường/ lớp, Thầy, cô giáo trong lớp, Cô Hiệu Trưởng, Hiệu phó, cô cấp dưỡng, bác bảo vệ trong trường, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tìm hiểu về Cô giáo và các bạn trong lớp. Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo -Làm quen bác bảo vệ; Làm quen bác nhà bếp; Làm quen cô hiệu trưởng; . - Khám phá đồ dùng, đồ chơi trong lớp học. Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. * KNS: - Các bạn trong lớp - Không tranh giành đồ chơi của bạn - Cô giáo lớp em - Nội quy của lớp - Kỹ năng xếp hàng - Cất đồ dùng đúng nơi quy định * Steam: Chuông lắc tự cốc giấy; Tự làm nhiệt kế; Đu quay xoay; Bình nước mini tự động; Quả bóng biết nhảy. - TCHT: + Nói tên bạn thân *VTV7 Kids: Những người bạn cầu vồng
b. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
MT41	2. Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề sản xuất, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. - Kể tên những nghề mà trẻ biết, trò chuyện về nghề của bố mẹ, trò chuyện về ước mơ của bé. KNS: + Bác công, nông dân. + Nghề sản xuất, dịch vụ, bán hàng. + Cô giáo. + Nghề Bác sỹ, công an... * KNS : + Bé là chú cảnh sát PCCC. + Kỹ năng thoát hiểm khi có hỏa hoạn. * Steam: Làm kem siêu tốc không cần tủ lạnh; Làm màu vẽ tại nhà; Đất nặn an toàn; Tàu vũ trụ; Làm dù mi ni.. - Quan sát hình ảnh, xem clip và trò chuyện về một số nghề: Công nhân xây dựng, Cô giáo,

		Bác sỹ, Bộ đội. - Tô màu tranh nghề trẻ yêu thích, cắt dán dụng cụ các nghề HD trải nghiệm...SDPP trực quan, lồng ghép qua các HD nuôi dưỡng, CSGiáo dục + VTV7 kids. Lớn lên bé sẽ làm gì? + Bé làm chú bộ đội.
c. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
MT42	3.1. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, ngày phụ nữ việt nam 20/10, ngày hội của Cô giáo 20/11, Tết cổ truyền... qua trò chuyện, tranh ảnh.	Trò chuyện về ngày Tết trung thu - Biết ơn cô giáo - Vui hội 8/3 - Bé yêu chú bộ đội - Mừng sinh nhật Bác + Ngày hội đến trường của bé + Bé vui hội trăng rằm; - Trò chuyện về các ngày lễ hội. + Bé yêu chú Bộ đội + Ngày Hội của Cô giáo 20/11; + Mừng đón năm mới + Tết Thiếu nhi 1/6. - Làm bưu thiếp, cùng cô trang trí MT lớp, tham gia biểu diễn văn nghệ chào mừng các ngày Hội lớn. - Dạy trẻ thể hiện một số lời chúc mừng đơn giản, phù hợp với từng HD Lễ hội.
MT43	3.2. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Trẻ nhận biết một số di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh của quê hương thông qua trò chuyện, qua chuẩn bị của nhà trường của khối xóm nơi trẻ sống, nơi công cộng - Cùng cô, bạn, gia đình trò chuyện, đi tham quan trải nghiệm . Trẻ biết một số danh lam thắng cảnh: - Đài tưởng niệm - Doanh trại bộ đội - Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, - Cảnh đẹp quê hương em - Tham quan di tích lịch sử, danh lam thắng

		cảnh địa phương:Đài tưởng niệm liệt sỹ,Đền thờ họ Ngô
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
1. Nghe hiểu lời nói		
MT44	1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Trẻ thực hiện các chỉ dẫn yêu cầu của cô trong sinh hoạt hằng ngày: Con hãy cất ba lô vào ngăn tủ, con cất dép lên giá, con chào bố mẹ nào, con chào cô giáo...; con lấy cốc uống nước, con đi vệ sinh, con rửa tay xà phòng, con xúc cơm ăn nào, con lấy khăn lau mặt, con nhặt cơm vãi vào khay...; con đi lấy gối... - Trẻ thực hiện các chỉ dẫn yêu cầu của cô qua các trò chơi: + TCHT: Bé luôn gọn gàng. - Con cất balô ở đâu? Đồ dùng ở đâu; - Tìm bạn thân; - Ai nhanh ai khéo; - Hãy làm theo cô; - Phân loại đồ dùng đồ chơi
MT45	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Cung cấp vốn từ và biểu tượng chính xác về đồ vật, con người, một số hiện tượng diễn ra xung quanh bé:
MT46	1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Lắng nghe và trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
MT47	2.1. Nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của Tiếng Việt. + Tổ chức các hoạt động GD phát triển ngôn ngữ, chú trọng luyện cách nói tròn tiếng, trọn

	- Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật hiện tượng và hành động rất đơn giản quen thuộc với lứa tuổi	từ, trọn câu cho trẻ - Luyện phát âm rõ ràng và nói rõ các tiếng, đầy đủ câu khi đọc thơ và đàm thoại. - Trẻ được làm quen với tiếng Anh qua các buổi học tiếng anh và ở mọi lúc mọi nơi - Tổ chức ngày hội Tiếng Anh
MT48	2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Sử dụng các từ(tên gọi, đặc điểm, màu sắc, công dụng, hoạt động, lợi ích...) để chỉ sự vật hiện tượng xung quanh trẻ
MT49	2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.
MT50	2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Trò chuyện với trẻ về những việc trẻ đã làm, những hành động trẻ đã thực hiện trong thời gian gần nhất.
MT51	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thuộc bài thơ trong chủ đề: Sáo học nói; Chúng ta đều là bạn; Cô giáo của em; Bé không khóc; Bé ơi; Chơi ngoan; Chơi bập bênh; Trăng sáng; Nghe lời cô giáo; Cô giáo của con; Bạn mới; Cô và mẹ; Cô dạy; Mèo con đi học; Bé đến lớp; Bạn của bé; Cái lưỡi; Mèo tập đánh răng; Mắt để làm gì; Tập thể dục; Lời chào đi trước; Tâm sự của cái mũi; Khóc nhè; Tập rửa mặt; Tập đánh răng; Rửa tay; Giờ ăn; Thỏ Bông bị ốm; Đôi mắt của em; Giữ nụ cười xinh; Cháu yêu bà; Thăm nhà bà; Bà và cháu; Bé ngoan; Dậy sớm; Bé chúc Tết ông bà; Làm anh; Em yêu nhà em; Mẹ và con mưa; Nhà ngoại; Về quê; Lấy tăm cho bà; Thương ông; Bé hỏi mẹ; Quà của mẹ; Giúp mẹ; Xe cứu hỏa; Đi chơi phố; Bé đi đường; Đèn giao thông; Bé tập đi xe đạp; Khuyến bạn; Cây dây leo; Bắp cải xanh; Vườn trường em; Cây hồng; Chăm vườn hoa; Hoa sen; Đàn gà con; Kể cho bé nghe; Gấu qua cầu; Cá ngủ ở đâu; Rong và cá; Cái bát xinh xinh; Làm bác sỹ; Em yêu cô thợ dệt; xe chữa cháy; Ong và bướm; Mưa xuân; Tết đang vào nhà; Cây cải nhỏ; Hoa kết trái; Mưa; Trưa hè;

		Bác Hồ của em; Về quê; Ảnh bác..... + Đồng dao, ca dao: Lúa ngô là cô đậu nành; Dung dăng dung dẻ; Tập tằm vông; nu na nu nống; Chi chi chành chành; tay đẹp; Mau mau tỉnh dậy; rềnh rềnh ràng ràng; Lộn cầu vòng; gánh gánh gồng gồng; Trồng nụ trồng hoa, Chú cuội ngồi gốc cây đa, Hoa sen, Trồng đậu trồng cà, Trồng nụ trồng hoa; Chú cuội ngồi gốc cây đa; Hoa sen; Trồng đậu trồng cà; Con vỏi con voi; Con kiến; Làng chim; Cái Bồn; Con cua; Con chuồn chuồn; Con mèo; Gọi mưa; Ông sảo ông sao. - Dạy trẻ đọc thơ, đồng dao, ca dao và bước đầu biết cách thể hiện ngữ điệu giọng phù hợp với nội dung bài thơ, ca dao, đồng dao. Khuyến khích động viên trẻ đọc thơ cùng nhóm bạn, đọc cá nhân.
MT52	2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Truyện: Đôi bạn tốt; Voi con đi học; Con đường đến trường; Ai tài giỏi hơn; Mèo con và quyển sách; bài học đầu năm; Chú Vịt khàn; Món quà của Cô giáo; Bạn mới; Cậu bé mũi dài; câu chuyện của tay phải tay trái; Mỗi người một việc; Lợn con sạch lắm rồi; Giấc mơ kỳ lạ; Đôi tai xấu xí; Những ngón tay; Bé Minh Quân dũng cảm; Gấu con bị đau răng; Thỏ trắng biết lỗi; Cô bé quàng khăn đỏ; Chú Gấu con ngoan; Cô bé quàng khăn đỏ; Bà và cháu; Quà tặng mẹ; Xe đạp con trên đường phố; Xe lu và xe ca; Chú đỗ con; Hoa mào gà; Cỏ và lúa; Chú thỏ thông minh; Thỏ con ăn gì; Chiếc áo của thỏ con; Gà trống và vịt bầu; Bác gấu đen và hai chú thỏ; Giọng hát chim sơn ca; Rùa con tìm nhà; Ai ngoan hơn; Người làm vườn và các con trai; Chiếc áo mùa xuân; Sự tích ngày tết; Củ cải trắng; Niềm vui từ bát canh cải; Quả bầu tiên; Con hãy đợi rồi sẽ biết; Giọt nước tý xíu; Thánh Gióng; Ai ngoan hơn; Sự tích Hồ Gươm..... - Truyện: Đôi bạn tốt; Voi con đi học; Con đường đến trường; Ai tài giỏi hơn; Mèo con và quyển sách; bài học đầu năm; Chú Vịt khàn; Món quà của Cô giáo; Bạn mới; Cậu bé mũi dài; câu chuyện của tay phải tay trái; Mỗi

		người một việc; Lợn con sạch lắm rồi; Giấc mơ kỳ lạ; Đôi tai xấu xí; Những ngón tay; Bé Minh Quân dũng cảm; Gấu con bị đau răng; Thỏ trắng biết lỗi; Cô bé quàng khăn đỏ; Chú Gấu con ngoan; Cô bé quàng khăn đỏ; Bà và cháu; Quà tặng mẹ; Xe đạp con trên đường phố; Xe lu và xe ca; Chú đỗ con; Hoa mào gà; Cỏ và lúa; Chú thỏ thông minh; Thỏ con ăn gì; Chiếc áo của thỏ con; Gà trống và vịt bầu; Bác gấu đen và hai chú thỏ; Giọng hót chim sơn ca; Rùa con tìm nhà; Ai ngoan hơn; Người làm vườn và các con trai; Chiếc áo mùa xuân; Sự tích ngày tết; Củ cải trắng; Niềm vui từ bát canh cải; Quả bầu tiên; Con hãy đợi rồi sẽ biết; Giọt nước tý xiu; Thánh Gióng; Ai ngoan hơn; Sự tích Hồ Gươm.....
MT53	2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Kể lại sự việc. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. - Trẻ sắp xếp tranh theo thứ tự nội dung câu chuyện và kể lại chuyện theo tranh. - Kể lại truyện theo sự giúp đỡ của người lớn (khi trẻ gặp khó khăn, giáo viên sử dụng các câu hỏi để hỗ trợ trẻ). - Trẻ bắt chước các đoạn điệp khúc, đoạn đối thoại đơn giản - đơn giản của các nhân vật trong truyện. - Dạy trẻ bắt chước giọng diễn cảm, kết hợp ngữ điệu với biểu hiện nét mặt - cử chỉ của một số nhân vật gần gũi trong các câu chuyện. - Trẻ kể lại chuyện với rối, kể chuyện theo đồ chơi, kể chuyện theo tranh có chủ đề, đóng vai các nhân vật trong truyện thông qua hoạt động - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Kể lại sự việc. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. - Trẻ sắp xếp tranh theo thứ tự nội dung câu chuyện và kể lại chuyện theo tranh. - Kể lại truyện theo sự giúp đỡ của người lớn

		(khi trẻ gặp khó khăn, giáo viên sử dụng các câu hỏi để hỗ trợ trẻ). - Trẻ bắt chước các đoạn điệp khúc, đoạn đối thoại đơn giản - đơn giản của các nhân vật trong truyện. - Dạy trẻ bắt chước giọng diễn cảm, kết hợp ngữ điệu với biểu hiện nét mặt - cử chỉ của một số nhân vật gần gũi trong các câu chuyện. - Trẻ kể lại chuyện với rối, kể chuyện theo đồ chơi, kể chuyện theo tranh có chủ đề, đóng vai các nhân vật trong truyện thông qua hoạt động góc.
MT54	2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	* KNS: - Kỹ năng chúc tết; Bé nhận lì xì thông minh; - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp + Dạy bé cách xưng hô, chào hỏi, thưa gửi lễ phép. + Thực hiện giao tiếp lễ phép hàng ngày với cô, với người thân, bạn bè.
MT55	2.9. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Tạo cơ hội cho trẻ được nêu ý kiến (yêu cầu nói vừa đủ nghe). - Cho trẻ đọc những bài thơ, kể chuyện ngắn cùng nhóm bạn, cá nhân với âm lượng vừa đủ nghe. + Trò chuyện với trẻ và hướng dẫn trẻ nói tròn tiếng, rõ từ, không hét, không nói ngọng, không nói lí nhí.
3. Làm quen với đọc, viết		
MT56	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện.

		- Giữ gìn sách. - Giáo viên tạo nhiều cơ hội đọc sách cho trẻ nghe, đọc sách cùng trẻ bằng giọng đọc hấp dẫn, diễn cảm giúp trẻ có hứng thú với sách truyện từ đó trẻ biết đề nghị người lớn đọc sách cho trẻ nghe, tự giở sách ra xem. - Thông qua “Ngày hội sách”: Trẻ được tham gia nhiều hoạt động thú vị với sách – truyện, thư viện sách thân thiện.... - Cho phép trẻ được chọn loại sách mà trẻ thích để cô đọc cho cả lớp nghe. - Cho trẻ tự “đọc” sách, “đọc sách cùng bạn” hoặc tìm sách đọc cùng với cô. - Tạo cơ hội cho trẻ đọc sách ở mọi lúc mọi nơi. - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
MT57	3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Cô kể cho trẻ những câu chuyện có tranh minh họa nhân vật rõ ràng, nội dung ngắn gọn dễ hiểu. Hướng dẫn trẻ quan sát và gọi tên các nhân vật trong tranh.
MT58	3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Sử dụng các trò chơi với các ngón tay để rèn luyện vận động của các cơ nhỏ và sự khéo léo của các ngón tay, sự phối hợp của tay – mắt. - Giáo viên tổ chức và các đồ dùng nhằm phát triển cơ tay và các ngón tay. - Tổ chức các hoạt động vẽ tranh theo mẫu, theo đề tài để trẻ có thích vẽ, viết.
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội		
1. Thể hiện ý thức về bản thân		
MT59	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Trẻ biết tên tuổi giới tính của bản thân. - Tên, tuổi, giới tính. - Vẽ, nặn, xé dán, tô màu về bản thân: + Tô màu bạn trai- gái + Tô màu trang phục cho bạn trai, bạn gái,

		+ Xé dán tóc cho bạn. + Bạn có biết tên tôi, * KNS: Bé là ai? - Tên, tuổi, giới tính. Trò chơi + Đồ dùng của tôi, Tôi thích gì?
MT60	1.2. Nói được điều bé thích, không thích.	- Bé giới thiệu về mình: Tên tuổi, giới tính, sở thích - Trò chuyện về sở thích của bé
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT61	2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Tổ chức các hoạt động giáo dục, vui chơi theo nhóm trẻ. - Trao đổi, trò chuyện với trẻ về thể giới xung quanh, trẻ sẵn sàng trả lời các câu hỏi khi được hỏi. - Tổ chức cho trẻ tham gia các HĐ lao động: + Cát đồ chơi đúng nơi quy định - Tổ chức các HĐ trò chuyện đầu giờ, các hoạt động giao lưu với các lớp trong khối để giúp tự tin, mạnh dạn trong giao tiếp. + Tổ chức hoạt động chúc mừng sinh nhật cho các bạn trong lớp học. * KNS: Các kỹ năng khi đi tham quan;
MT62	2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi, ...).	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Chờ đến lượt. - Xếp dọn đồ chơi đúng nơi quy định - Giao nhiệm vụ đơn giản cho trẻ, Xếp đồ chơi, chia giấy vẽ, hộp màu, xếp dép, xếp ghế, cất đồ dùng đồ chơi khi hoạt động xong, giúp cô chuẩn bị giờ học, giờ ăn, giờ ngủ..... * KNS: Bé lau bàn.
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT63	3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Xem tranh ảnh, clip, đoạn phim giúp trẻ nhận

		ra các trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận: + Những dấu hiệu biểu hiện cảm xúc + Nguyên nhân các trạng thái cảm xúc - Trò chơi: Vẽ gương mặt cảm xúc; Đoán cảm xúc; Ai vui – ai buồn; Hãy làm theo tôi; Xúc xắc cảm xúc; Khuôn mặt bé; Chọn và gắn tranh theo mẫu (vui, buồn, tức giận, sợ hãi)
MT64	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. - Xem tranh ảnh, clip, đoạn phim giúp trẻ nhận ra các trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận: - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động..... + Thực hành cách biểu lộ trạng thái cảm xúc trên nét mặt, cử chỉ + Những dấu hiệu biểu hiện cảm xúc + Nguyên nhân các trạng thái cảm xúc + Cách biểu lộ trạng thái cảm xúc phù hợp.
MT65	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Xem tranh ảnh, clip, phim tư liệu về Bác Hồ kính yêu.
MT66	3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	+ Tìm hiểu, trò chuyện về tình cảm của Bác Hồ dành cho các cháu thiếu nhi. - Biểu diễn văn nghệ mừng sinh nhật Bác. - Trang trí khung ảnh Bác, lớp học mừng ngày sinh nhật Bác. - Thơ, truyện: + Bác Hồ của em; Chiếc kẹo của Bác Hồ; Niềm vui bất ngờ; Đôi mắt Bác Hồ - Hát, vận động: Nhớ ơn Bác, Em mơ gặp Bác Hồ, + Nghe hát: Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng, Cháu nhớ Bác Hồ . * KNS: Bé kính yêu Bác Hồ; Bé là cháu ngoan Bác Hồ. - Kính yêu Bác Hồ.

		- Xem tranh ảnh, clip, phim tư liệu về Bác Hồ kính yêu. - TC: Xây dựng lăng Bác, xây áo cá, vườn cây của Bác Hồ. - Biểu diễn văn nghệ mừng sinh nhật Bác. - Trang trí khung ảnh Bác, lớp học mừng ngày sinh nhật Bác. - Thơ, truyện: + Bác Hồ của em; Chiếc kẹo của Bác Hồ; Niềm vui bất ngờ; Đôi mắt Bác Hồ - Hát, vận động: Nhớ ơn Bác, Em mơ gặp Bác Hồ, + Nghe hát: Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng, Cháu nhớ Bác Hồ.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT67	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Hướng dẫn trẻ cùng cô xây dựng nội quy lớp học: + Chơi đoàn kết + Giữ gìn lớp học sạch sẽ + Giữ gìn đồ dùng, đồ chơi + Chờ đến lượt... + Cất đồ chơi đúng nơi quy định + Cất đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định + Lấy và cất nơ thẻ đục * KNS: Cất đồ dùng đúng nơi quy định
MT68	4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	* Thực hành: - Nhắc nhở trẻ thực hiện nề nếp chào hỏi trong giờ đón trẻ, trả trẻ và sinh hoạt hàng ngày. - Dạy trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi phù hợp khi được nhắc nhở. - Nhận biết hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu". - Tạo ra các tình huống để trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi đúng hoàn cảnh, chú ý nghe cô và bạn nói
MT69	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Rèn cho trẻ biết lắng nghe, duy trì sự tập trung chú ý khi Cô hoặc bạn đang nói.

		- Biết giơ tay phát biểu khi có ý kiến.
MT70	4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hoà thuận với bạn. Tổ chức cho trẻ tham gia các HĐ: - Chơi các TCVD, TCHT, TC đóng vai. - Tham gia các hoạt động nhóm: Cùng vẽ tranh, cùng làm pano, album, cùng trực nhật. - Thực hiện các bài tập kỹ năng thực hành cuộc sống
5. Quan tâm đến môi trường		
MT71	5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	* KNS: Bé trồng cây; Bé chăm sóc cây. - HĐKP: + Tìm hiểu 2-3 loại cây xanh. + Những bông hoa bé thích * Steam: Mạch trái cây; Bí ngô Halloween; Vũ điệu của sữa; Sự đổi màu của bắp cải tím - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. * Thực hành: - Làm quen với việc chăm sóc cây, lau lá cây. - Xem tranh, clip có nội dung về những cảnh vật thiên nhiên; cách chăm sóc cây xanh. - Trò chuyện về những người trồng cây, chăm sóc cây, nhân viên công ty cây xanh. - Xây dựng công viên cây xanh, vườn hoa mùa xuân.
MT72	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Bé học cách bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi - Tiết kiệm điện nước, thực hành cách tiết kiệm điện, nước trong nhóm/lớp.
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ		
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
MT73	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi,

		dân ca).
MT74	1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện; -Thích nghe hát và hưởng ứng các làn điệu dân ca ví dặm Nghệ Tĩnh. - Yêu thích và hát các bài hát bằng tiếng Anh trong chương trình.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca) + Trẻ đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ về chủ đề. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. - Nghe hát và nghe giai điệu các làn điệu dân ca ví dặm Nghệ Tĩnh - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca) + Trẻ đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ về chủ đề. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. - Nghe hát và nghe giai điệu các làn điệu dân ca ví dặm Nghệ Tĩnh
MT75	1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình; Cảm nhận được âm thanh từ các chất liệu, nhạc cụ khác nhau.	- Thích thú trước các sản phẩm tạo hình đẹp, nổi bật.. - Nghe và hưởng ứng với các âm thanh, bản nhạc, bài hát phù hợp với độ tuổi. - Nhìn ngắm, quan sát vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng - Nhận xét về các sản phẩm tạo hình. - Các hoạt động trong chương trình " Cảm thụ âm nhạc"; nghe âm thanh từ nhạc cụ; nghe nhạc cổ điển, thính phòng, dân ca...
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT76	2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. Dạy hát:Đêm trung thu; Ánh trăng hòa bình; Niềm vui cô nuôi dạy trẻ; Cô giáo mầm non; Ngày đầu tiên đi học; Chiếc đèn ông sao; Chim mẹ chim con; Chào hỏi; Những em bé ngoan; Em đi mẫu giáo; Thật đáng chê; Con chim vành khuyên; Hãy lắng nghe; Nụ cười xinh; Bàn tay

	mẹ, Cho con; Chỉ có một trên đời; Mời bạn ăn; Em là bông hồng nhỏ; Ru em; Vì sao con mèo rửa mặt; Cho con; Ru con; Mẹ ơi có biết, chỉ có 1 trên đời, Tổ ấm gia đình; Ba ngọn nến lung linh; Bé quét nhà; Khúc hát ru người mẹ trẻ; Hạt gạo làng ta; Chú bộ đội và cơn mưa; Ba em là công nhân lái xe; Cô giáo; Cháu thương chú bộ đội; Cháu yêu cô chú công nhân; Lớn lên cháu lái máy cày; Quả, Lý cây bông; Mùa xuân ơi; Cây trúc xinh; Trồng cây, Chú voi con ở Bán Đôn; Tôm cá cua thi tài; Gà gáy le te; Bắc kim thang; Cò lả; Con cò; Lý con Sáo Gò công; Rửa mặt như mèo; Thương con mèo; Con thuyền ước mơ; Anh phi công ơi; Đi trên via hè bên phải; đoàn tàu nhỏ xíu; nhớ lời cô dặn; Tàu hỏa; Mưa bóng mây, Mưa rơi; Bé và trăng; Bốn mùa; con mèo ra bờ sông; Tôi là gió; Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng; Quê hương là chùm khế ngọt; Dung dăng dung dẻ; Đêm pháo hoa; Inh lả ơi; em như chim bồ câu trắng; Em mơ gặp Bác Hồ; Xòe hoa; Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác ... - Biểu diễn cuối chủ đề. Cháu đi mẫu giáo; Đi học về; Trường cháu đây là trường mầm non; Ai ra ngoài; Đi dạo; Hoa bé ngoan; Quả bóng; Đi học về; Tay thơm tay ngoan; Chiếc khăn tay; Chúc mừng sinh nhật; Chơi ngón tay; Hãy xoay nào; Mừng sinh nhật; Nào! Chúng ta cùng tập thể dục; Em ngoan hơn búp bê; Xòe bàn tay nắm ngón tay; Tóm được rồi; “Cả nhà thương nhau; Hoa bé ngoan; Biết vâng lời mẹ; Cô và mẹ; Đi học về; Đội kèn tỳ hon; Em tập lái ô tô; Tập đi đều; Làm chú bộ đội; Cô và mẹ; Đi một hai; Lý cây xanh; Sắp đến tết rồi, Cây bắp cải; quả gì. Con chim non; Chú gà trống gọi; Đàn gà con; Voi làm xiếc, Đàn vịt con; Ai cũng yêu chú mèo; Gà trống, mèo con và cún con; Quà mừng 8/3; Đường em đi; Đèn xanh đèn đỏ; Em đi qua ngã tư đường phố; Nhớ lời cô dặn; Một đoàn tàu; Em đi chơi thuyền; Trời nắng trời mưa; Mùa hè đến; Phao bơi; Trên cát; Bé em tập nói; Đi thăm Thủ đô; Hòa bình cho bé; - Biểu diễn cuối chủ đề.
--	---

MT77	2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. Dạy vận động: Đêm trung thu; Ánh trăng hòa bình; Niềm vui cô nuôi dạy trẻ; Cô giáo mầm non; Ngày đầu tiên đi học; Chiếc đèn ông sao; Chim mẹ chim con; Chào hỏi; Những em bé ngoan; Em đi mẫu giáo; Thật đáng chê; Con chim vành khuyên; Hãy lắng nghe; Nụ cười xinh; Bàn tay mẹ, Cho con; Chỉ có một trên đời; Mời bạn ăn; Em là bông hồng nhỏ; Ru em; Vì sao con mèo rửa mặt; Cho con; Ru con; Mẹ ơi có biết, chỉ có 1 trên đời, Tổ ấm gia đình; Ba ngọn nến lung linh; Bé quét nhà; Khúc hát ru người mẹ trẻ; Hạt gạo làng ta; Chú bộ đội và cơn mưa; Ba em là công nhân lái xe; Cô giáo; Cháu thương chú bộ đội; Cháu yêu cô chú công nhân; Lớn lên cháu lái máy cày; Quả, Lý cây bông; Mùa xuân ơi; Cây trúc xinh; Trồng cây, Chú voi con ở Bản Đôn; Tôm cá cua thi tài; Gà gáy le te; Bắc kim thang; Cò lả; Con cò; Lý con Sáo Gò công; Rửa mặt như mèo; Thương con mèo; Con thuyền ước mơ; Anh phi công ơi; Đi trên vỉa hè bên phải; đoàn tàu nhỏ xíu; nhớ lời cô dặn; Tàu hỏa; Mưa bóng mây, Mưa rơi; Bé và trăng; Bốn mùa; con mèo ra bờ sông; Tôi là gió; Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng; Quê hương là chùm khế ngọt; Dung dăng dung dẻ; Đêm pháo hoa; Inh lá ơi; em như chim bồ câu trắng; Em mơ gặp Bác Hồ; Xòe hoa; Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác ... - Biểu diễn cuối chủ đề. Cháu đi mẫu giáo; Đi học về; Trường cháu đây là trường mầm non; Ai ra ngoài; Đi dạo; Hoa bé ngoan; Quả bóng; Đi học về; Tay thơm tay ngoan; Chiếc khăn tay; Chúc mừng sinh nhật; Chơi ngón tay; Hãy xoay nào; Mừng sinh nhật; Nào! Chúng ta cùng tập thể dục; Em ngoan hơn búp bê; Xòe bàn tay nắm ngón tay; Tóm được rồi; “Cả nhà thương nhau; Hoa bé ngoan; Biết vâng lời mẹ; Cô và mẹ; Đi học về; Đội kèn týt hon; Em tập lái ô tô; Tập đi đều;
------	---	---

		Làm chú bộ đội; Cô và mẹ; Đi một hai; Lý cây xanh; Sắp đến tết rồi, Cây bắp cải; quả gì. Con chim non; Chú gà trống gọi; Đàn gà con; Voi làm xiếc, Đàn vịt con; Ai cũng yêu chú mèo; Gà trống, mèo con và cún con; Quà mừng 8/3; Đường em đi; Đèn xanh đèn đỏ; Em đi qua ngã tư đường phố; Nhớ lời cô dặn; Một đoàn tàu; Em đi chơi thuyền; Trời nắng trời mưa; Mùa hè đến; Phao bơi; Trên cát; Bé em tập nói; Đi thăm Thủ đô; Hòa bình cho bé; - Biểu diễn cuối chủ đề.
MT78	2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- In đồ chơi trong lớp tặng bạn; Trang trí đèn lồng; Làm đồ chơi các phương tiện giao thông; In hoa cánh tròn; Tạo hình các con vật từ cốc, đĩa giấy; Làm bưu thiếp chúc mừng các ngày vui của Bà, Mẹ và Cô giáo. Làm bưu thiếp chúc mừng các ngày vui của Bà, Mẹ và Cô giáo... Làm bông hoa; làm quà tặng Chú bộ đội.... Làm các con vật sống dưới nước từ nguyên vật liệu; Làm các con vật từ lá cây; làm búp bê... * Steam: Làm kèn voi, chuông lắc tự cốc giấy; nhịp đập cánh bướm; Con mực trong chai nước; Chú gà nhảy múa; Mạch côn trùng; đèn lồng tái chế; máy bắn pháo hoa giấy.. - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. + Steam: Làm kèn voi, chuông lắc tự cốc giấy + VTV7 kids: Xứ sở cầu vồng - In đồ chơi trong lớp tặng bạn; Trang trí đèn lồng; Làm đồ chơi các phương tiện giao thông; In hoa cánh tròn; Tạo hình các con vật từ cốc, đĩa giấy; Làm bưu thiếp chúc mừng các ngày vui của Bà, Mẹ và Cô giáo. Làm bưu thiếp chúc mừng các ngày vui của Bà, Mẹ và Cô giáo... Làm bông hoa; làm quà tặng Chú bộ đội.... Làm các con vật sống dưới nước từ nguyên vật liệu; Làm các con vật từ lá cây; làm

		búp bê... - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. - Sử dụng một số kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT79	2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Tô màu đu quay; Tô màu chùm bóng bay; Tô màu chiếc đèn lồng; Tô màu mũ bé trai, mũ bé gái; Trang trí khăn mùi soa; Tô màu bức tranh gia đình; Tô màu ngôi nhà của bé; Tô màu một số sản phẩm nghề nông; Vẽ, tô màu bình hoa; Vẽ những cuộn len màu; Vẽ, tô màu cây ăn quả; Vẽ, tô màu quả cà chua, quả bí xanh; Vẽ những bông hoa bằng vân tay; Vẽ, tô màu con gà con; Tô màu con hươu cao cổ; Tô màu kinh khí cầu; Vẽ, tô màu ô tô; Vẽ, tô màu xe máy; Vẽ mưa, cây, cỏ; Trang trí chích phao; Tô màu dây cò; Vẽ theo ý thích; Vẽ đề tài.... - Hoạt động góc; Hoạt động chiều.. * Steam: Làm màu vẽ tại nhà
MT80	2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Xé, dán tia nắng mặt trời; Xé, dán đuôi diều; Trang trí chiếc phao; Cắt, dán con cá; Dán bập bênh; Làm chiếc nơ; Dán cái cốc; Dán cái thang; Trang trí khay đựng màu vẽ; Xé, dán quả chuối; Xé, dán tán lá cây; Xé, dán con sứa; Trang trí con sao biển; Làm cánh bướm; Ghép hình ô tô; Xé, dán chiếc ô che mưa; xé, dán bánh chưng... - Hoạt động góc; Hoạt động chiều
MT81	2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Nặn con lật đật; Nặn bánh mì; Nặn vòng tặng bạn; Nặn các loại bánh tròn – bánh dài; Nặn quả tròn, nặn chùm quả, Nặn bánh xe, nặn vô lăng ô tô. Nặn con gà..... - Hoạt động chiều; Hoạt động góc... * Steam: Đất nặn an toàn
MT82	2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Chơi xếp hình: Xếp hình bé tập thể dục; Xếp nhà, xếp chồng các khối hình có màu sắc và kích thước khác nhau; Xếp hình bạn trai bạn gái; Xếp đường đi; Xếp hàng rào....
MT83	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Hướng dẫn trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình theo mẫu, sáng tạo về màu sắc và bố cục.

		- Hướng dẫn trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình theo mẫu, sáng tạo về màu sắc và bố cục.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
MT84	3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc; Trẻ thực hiện được các tư thế, động tác múa cơ bản.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc - Nghe, vận động theo nhạc các bài hát, bản nhạc có giai điệu vui tươi ngộ nghĩnh trong các tháng và sự kiện. - Các tiết học biểu diễn cuối chủ đề - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc - Nghe, vận động theo nhạc các bài hát, bản nhạc có giai điệu vui tươi ngộ nghĩnh trong các tháng và sự kiện. - Các hoạt động văn nghệ . - Các tiết học biểu diễn cuối chủ đề
MT85	3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Vẽ, nặn, cắt, xé, dán các sản phẩm tạo hình theo ý thích, theo tưởng tượng, sáng tạo của trẻ
MT86	3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Hướng dẫn trẻ bước đầu đặt tên cho các sản phẩm tạo hình theo cách riêng của trẻ. - Hướng dẫn trẻ bước đầu đặt tên cho các sản phẩm tạo hình theo cách riêng của trẻ.

NGƯỜI LẬP KÊ HOẠCH

Tăng Thị Trúc Linh

